



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2025



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận
đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 ngày 30 tháng 12 năm 2004

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Đặng Quốc Dũng Ông Noboru Kobayashi Ông Chu Văn Phương Ông Trần Ngọc Bảo Ông Trịnh Văn Tuấn Bà Vũ Thị Minh Nhật Bà Đặng Phương Lan Ông Bùi Đức Long Ông Đào Anh Thắng	Chủ tịch Phó chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên độc lập <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Thành viên độc lập <i>(đến ngày 19/5/2025)</i>
--------------------------	---	--

Ban Tổng Giám đốc	Ông Chu Văn Phương Ông Trần Nhật Ninh Bà Ngô Thị Thu Thủy Ông Nguyễn Văn Thúc Ông Trần Ngọc Bảo Ông Nguyễn Văn Cường Ông Đào Anh Thắng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật Phó Tổng Giám đốc Sản xuất <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Phó Tổng Giám đốc Nội chính Phó Tổng Giám đốc Tài chính Trưởng Khối sản xuất <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Trưởng Khối Kinh doanh <i>(từ ngày 19/5/2025)</i>
--------------------------	--	--

Ủy ban Kiểm toán	Bà Vũ Thị Minh Nhật Bà Đặng Phương Lan Ông Đào Anh Thắng Ông Bùi Đức Long	Chủ tịch <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(từ ngày 19/5/2025)</i> Chủ tịch <i>(đến ngày 19/5/2025)</i> Thành viên <i>(đến ngày 19/5/2025)</i>
-------------------------	--	--

Trụ sở đăng ký
Số 2 An Đà
Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 13 tháng 8 năm 2025



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72
Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì
Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 13 tháng 8 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Nhựa Thiều niên Tiên Phong tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 25-02-00206-25-1



Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2024-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2025

Phạm Thị Thùy Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3065-2024-007-1

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.609.167.429.183	4.348.198.784.710
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	302.660.787.545	515.428.078.360
Tiền	111		302.660.787.545	274.446.909.745
Các khoản tương đương tiền	112		-	240.981.168.615
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.700.000.000.000	2.492.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	2.700.000.000.000	2.492.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		543.826.121.277	426.401.803.966
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	457.180.406.309	388.318.659.135
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	114.674.051.728	64.997.213.700
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	30.329.691.927	28.628.218.531
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(58.358.028.687)	(55.542.287.400)
Hàng tồn kho	140	14	1.047.594.422.764	901.760.865.810
Hàng tồn kho	141		1.047.628.034.038	901.794.477.084
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.611.274)	(33.611.274)
Tài sản ngắn hạn khác	150		15.086.097.597	12.608.036.574
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.729.280.127	12.191.400.704
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	356.817.470	416.635.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.672.409.563.803	1.698.576.323.442
Tài sản cố định	220		1.142.289.205.167	1.170.263.904.699
Tài sản cố định hữu hình	221	15	1.142.289.205.167	1.170.263.904.699
<i>Nguyên giá</i>	222		2.945.469.358.568	2.908.317.711.357
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.803.180.153.401)	(1.738.053.806.658)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		2.501.022.223	2.501.022.223
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.501.022.223)	(2.501.022.223)
Tài sản dở dang dài hạn	240		13.733.084.031	9.352.496.402
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	13.733.084.031	9.352.496.402
Đầu tư tài chính dài hạn	250		380.672.188.600	380.672.188.600
Đầu tư vào công ty con	251	9(b)	131.100.000.000	131.100.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(b)	113.345.883.000	113.345.883.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(b)	101.360.188.600	101.360.188.600
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(b)	(25.133.883.000)	(25.133.883.000)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(a)	60.000.000.000	60.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		135.715.086.005	138.287.733.741
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	135.715.086.005	138.287.733.741
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.281.576.992.986	6.046.775.108.152

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		2.814.110.761.004	2.644.122.316.430
Nợ ngắn hạn	310		2.814.110.761.004	2.644.122.316.430
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	184.449.033.472	306.642.957.145
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	394.069.276.511	595.961.107.350
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	129.785.655.375	68.481.981.726
Phải trả người lao động	314		87.489.608.436	53.589.672.704
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	135.181.929.753	110.228.634.154
Phải trả ngắn hạn khác	319	22	191.623.472.020	132.606.465.013
Vay ngắn hạn	320	23	1.685.075.421.494	1.369.758.366.181
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	6.436.363.943	6.853.132.157
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		3.467.466.231.982	3.402.652.791.722
Vốn chủ sở hữu	410	25	3.467.466.231.982	3.402.652.791.722
Vốn cổ phần	411	26	1.425.322.840.000	1.425.322.840.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		1.425.322.840.000	1.425.322.840.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	28	1.217.621.008.916	1.217.621.008.916
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		824.522.383.066	759.708.942.806
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		332.269.703.220	47.205.133.220
- <i>LNST kỳ này/năm nay</i>	421b		492.252.679.846	712.503.809.586
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.281.576.992.986	6.046.775.108.152

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	30	3.027.431.583.838	2.482.078.652.732
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	93.314.343.576	79.530.023.345
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	30	2.934.117.240.262	2.402.548.629.387
Giá vốn hàng bán	11	31	2.091.558.594.730	1.697.057.524.535
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		842.558.645.532	705.491.104.852
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	179.127.918.049	113.764.379.220
Chi phí tài chính	22	33	50.949.402.796	38.472.974.868
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.453.641.005	21.552.186.782
Chi phí bán hàng	25	34	262.586.638.773	291.033.390.795
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	120.128.868.960	99.315.147.879
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		588.021.653.052	390.433.970.530
Thu nhập khác	31		1.714.060.177	4.296.111.365
Chi phí khác	32		169.155.318	451.223.317
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.544.904.859	3.844.888.048
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		589.566.557.911	394.278.858.578
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	97.313.878.065	62.490.012.824
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		492.252.679.846	331.788.845.754

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người duyệt:



Lưu Thị Mai
Kế toán trưởng



Trần Ngọc Bảo
Phó Tổng Giám đốc Tài chính



Chu Văn Phương
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	589.566.557.911	394.278.858.578
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	73.102.933.243	72.202.354.426
Các khoản dự phòng	03	2.815.741.287	4.400.560.213
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(69.160.260)	118.689.046
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(178.891.323.948)	(112.918.904.763)
Chi phí lãi vay	06	34.453.641.005	21.552.186.782
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	520.978.389.238	379.633.744.282
Biến động các khoản phải thu	09	(89.484.812.242)	335.860.856.597
Biến động hàng tồn kho	10	(145.833.556.954)	203.524.613.997
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(198.052.001.967)	672.455.922.790
Biến động chi phí trả trước	12	(1.797.012.823)	(783.990.315)
		85.811.005.252	1.590.691.147.351
Tiền lãi vay đã trả	14	(34.320.621.362)	(24.121.901.577)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.285.309.864)	(46.775.104.567)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(71.525.297.800)	(16.345.266.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(64.320.223.774)	1.503.448.875.207
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(78.678.343.222)	(29.837.713.666)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	989.090.909	262.727.273
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	23	(1.576.000.000.000)	(1.200.000.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn với kỳ hạn trên 3 tháng	24	1.368.000.000.000	300.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(5.400.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và nhận phân phối lợi nhuận	27	178.190.509.188	113.844.167.582
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(107.498.743.125)	(821.130.818.811)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025 VND	30/6/2024 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	2.302.684.699.373	1.471.742.565.514
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.987.367.644.060)	(2.206.777.956.292)
Tiền trả cổ tức	36	(356.330.710.000)	(129.575.334.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(41.013.654.687)	(864.610.724.778)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(212.832.621.586)	(182.292.668.382)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	515.428.078.360	446.071.490.535
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	65.330.771	(2.886.518)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 8)	70	302.660.787.545	263.775.935.635

Ngày 13 tháng 8 năm 2025

Người lập:

Người duyệt:


 Lưu Thị Mai
 Kế toán trưởng


 Trần Ngọc Bảo
 Phó Tổng Giám đốc Tài chính


 Chu Văn Phương
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (“Công ty”) tiền thân là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hoá theo quy định tại Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Việc cổ phần hoá Công ty được thực hiện theo Quyết định số 80/2004/QĐ-BCN do Bộ trưởng Bộ Công thương ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2004.

Sau khi cổ phần hóa, Công ty là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0200167782 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 30 tháng 12 năm 2004. Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 1 tháng 8 năm 2024.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động được cấp phép của Công ty là:

- Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải;
- Xây dựng khu chung cư, hạ tầng cơ sở, nhà cao cấp, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại và chợ kinh doanh;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Kho bãi, vận tải đường bộ và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải;
- Kinh doanh bất động sản và quyền sử dụng đất; và
- Giáo dục và đào tạo các cấp, đào tạo nghề, dạy ngoại ngữ, kỹ năng sống, năng khiếu và các dịch vụ dạy kèm khác.

Trong kỳ, các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và các sản phẩm nhựa phục vụ cho ngành xây dựng, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp và giao thông vận tải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025, Công ty có 2 công ty con và 3 công ty liên kết được trình bày trong Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có 1.272 nhân viên (1/1/2025: 1.262 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND tương ứng theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu dài hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Bản quyền công nghệ

Bản quyền công nghệ bao gồm các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền công nghệ vào sử dụng. Bản quyền công nghệ được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 27 đến 44 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác gồm các chi phí cải tạo, sửa chữa định kỳ, thuê biển quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty. Toàn bộ các hợp đồng thuê của Công ty là thuê hoạt động.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(r) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ/năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính trước hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong kỳ/năm trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của đơn vị

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Tiền mặt	379.951.978	86.044.206
Tiền gửi ngân hàng	302.280.835.567	274.360.865.539
Các khoản tương đương tiền	-	240.981.168.615
	<hr/>	<hr/>
	302.660.787.545	515.428.078.360

9. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2025		1/1/2025	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)		2.700.000.000.000		2.492.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (ii)		50.000.000.000		50.000.000.000
▪ Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (iii)	100.000	10.000.000.000 (*)	100.000	10.000.000.000 (*)
		60.000.000.000		60.000.000.000

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 12 tháng tại các ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm từ 4,75% đến 6,9% (1/1/2025: từ 4,4% đến 9%). Giá gốc của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị hợp lý do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng tại ngân hàng trong nước, hưởng lãi suất năm 6,4%.

(iii) Trái phiếu này hưởng lãi suất năm là lãi suất tham chiếu + 1,3%, đáo hạn vào ngày 20 tháng 7 năm 2033. Tiền lãi trái phiếu được trả định kỳ một năm một lần vào ngày 20 tháng 7.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2025						1/1/2025		
	Tỷ lệ % sở hữu và quyền biểu quyết	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:									
Công ty con									
▪ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung (i)	100,00%		120.000.000.000	-	(*)		120.000.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (ii)	100,00%		11.100.000.000	-	(*)		11.100.000.000	-	(*)
			131.100.000.000	-			131.100.000.000	-	
Công ty liên kết									
▪ Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam (iii)	27,39%	18.816.613	84.150.000.000	-	(*)	13.440.438	84.150.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong (iv)	49,98%	499.775	5.397.000.000	-	(*)	499.775	5.397.000.000	-	(*)
▪ Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (v)	51,00%		23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)		23.798.883.000	(23.798.883.000)	(*)
			113.345.883.000	(23.798.883.000)			113.345.883.000	(23.798.883.000)	
Đơn vị khác									
▪ Công ty Cổ phần Cấp nước Nam Định	13,50%	4.632.086	46.784.068.600	-	(*)	4.632.086	46.784.068.600	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một	1,80%	1.980.000	46.800.000.000	-	108.900.000.000	1.980.000	46.800.000.000	-	98.604.000.000
▪ Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong (vi)	17,39%	396.000	5.148.000.000	-	(*)	396.000	5.148.000.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Tỉnh Hà Giang	4,80%	56.406	1.128.120.000	-	(*)	56.406	1.128.120.000	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam	1,11%	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)	150.000	1.500.000.000	(1.335.000.000)	(*)
			101.360.188.600	(1.335.000.000)			101.360.188.600	(1.335.000.000)	
			345.806.071.600	(25.133.883.000)			345.806.071.600	(25.133.883.000)	

TỪ
C
ÁCH
K

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung được thành lập ngày 19 tháng 3 năm 2012 và có trụ sở tại Lô C, Khu công nghiệp Nam Cẩm, Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An. Các hoạt động chính của công ty con này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.
- (ii) Công ty TNHH Bất động sản Tiền Phong (“Bất động sản Tiền Phong”) được thành lập ngày 18 tháng 5 năm 2015 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, Công ty sẽ phải góp 20.000 triệu VND vốn điều lệ vào Bất động sản Tiền Phong. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, vốn điều lệ Công ty đã thực góp là 11.100 triệu VND.
- (iii) Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam được thành lập ngày 24 tháng 9 năm 2007 và có trụ sở tại Lô C2, KCN Đồng An II, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa dân dụng và công nghiệp.

Tại cuộc họp ngày 3 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức của năm 2024 bằng cách phát hành 19.626.491 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 40% vốn điều lệ, tương đương 196.264 triệu VND. Công ty được nhận 5.376.175 cổ phiếu.

- (iv) Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong được thành lập ngày 1 tháng 7 năm 2004 và có trụ sở tại Số 2 An Đà, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng. Các hoạt động chính của công ty liên kết này là sản xuất bao bì nhựa PP, bao bì xi măng, các loại giấy, màng ghép phức hợp và các sản phẩm nhựa khác.
- (v) Công ty TNHH Liên doanh Nhựa Tiền Phong – SMP (“Công ty NTP-SMP”) được thành lập theo Giấy chứng nhận Đầu tư ra nước ngoài số 222/BKH-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 3 năm 2009 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 032/IB.VC do Cục Đầu tư trong nước và nước ngoài Viêng Chăn cấp ngày 17 tháng 4 năm 2008 giữa Công ty Xuất nhập khẩu Thương mại SMP và Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong.

Công ty NTP-SMP đã ngừng hoạt động trong nhiều năm và điều này ảnh hưởng đến khả năng chuyển vốn từ NTP-SMP về Công ty. Do đó, mặc dù sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty NTP-SMP, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát tại Công ty NTP-SMP và phản ánh khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết. Theo nguyên tắc thận trọng, Công ty đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho toàn bộ giá gốc của khoản đầu tư này trên báo cáo tài chính riêng từ những năm trước.

- (vi) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một được xác định dựa trên giá giao dịch công khai của cổ phiếu trên thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2025.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết (i)	183.969.290.423	227.636.669.133
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty (iii)	45.070.844.867	45.070.844.867
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (ii)	5.381.694.039	7.111.109.982
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết (iii)	17.496.000	12.204.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt (iii)	32.318.438	20.012.400
Bên khác		
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hồng Phước	170.748.124.630	57.549.413.148
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	21.029.311.080	22.563.585.360
Công ty Cổ phần Phụ gia nhựa	13.238.521.980	13.238.521.980
Iplex Pipelines NZ Ltd	4.245.407.428	1.922.933.586
Công ty Cổ phần Thương mại - Sản xuất Tiền Phong Nam Miền Trung	8.272.496.736	8.272.496.736
Các khách hàng khác	5.174.900.688	4.920.867.943
	457.180.406.309	388.318.659.135

- (i) Khoản phải thu này không tính lãi và được đảm bảo bằng 9.453.971 cổ phiếu Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong (mã chứng khoán: NTP), thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam.
- (ii) Khoản phải thu thương mại đối với Công ty TNHH Sekisui Việt Nam không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.
- (iii) Các khoản phải thu này không được đảm bảo, không tính lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Eplas	61.225.765.349	45.211.510.015
Công ty TNHH Công nghệ xanh Hoa Sen	8.981.500.000	4.954.444.000
Công ty TNHH Truyền thông Quảng cáo Minh Khang	7.106.424.214	1.675.601.286
Công ty TNHH Công nghệ và Thiết bị PNT	2.726.577.036	797.208.539
Fu Chun Shin Machinery Manufacture Co., Ltd	8.532.217.000	1.890.750.000
Công ty Cổ phần Nhiệt lạnh ĐHKK và Thông gió Trường An	3.035.300.000	-
ERA INTERNATIONAL TRADING(SHANGHAI) CO.,LTD	2.800.519.968	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Hoàng Phương	1.879.500.000	-
GNATA FILIPPO S.R.L	1.637.070.085	-
Công ty TNHH Tuyết Nga	1.620.679.200	-
Các nhà cung cấp khác	15.128.498.876	10.467.699.860
	114.674.051.728	64.997.213.700

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Phải thu tiền lãi	23.298.178.090	23.445.929.210
Tạm ứng	4.088.624.420	1.145.407.894
Đặt cọc	902.000.000	550.000.000
Phải thu khác	2.040.889.417	3.486.881.427
	30.329.691.927	28.628.218.531

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Nợ xấu và nợ khó đòi

	30/6/2025				1/1/2025			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ Thương mại Đại Phát Công ty TNHH Vi Nam Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan của Công ty Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc Công ty Cổ phần Phụ gia Nhựa Đối tượng khác	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-	Trên 3 năm	583.902.600	(583.902.600)	-
	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-	Trên 3 năm	501.480.953	(501.480.953)	-
	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-	Trên 3 năm	1.060.039.175	(1.060.039.175)	-
	Trên 3 năm Trên 2 năm đến dưới 3 năm Trên 2 năm đến dưới 3 năm Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	45.070.844.867	(45.070.844.867)	-	Trên 3 năm Trên 1 năm đến dưới 2 năm Trên 1 năm đến dưới 2 năm Trên 6 tháng đến dưới 1 năm và trên 3 năm	45.070.844.867 3.751.674.814 13.238.521.980 207.746.316	(45.070.844.867) (1.885.837.407) (6.235.382.970) (204.799.428)	- 1.865.837.407 7.003.139.010 2.946.888
				6.056.182.018				
				64.414.210.705				
				(58.358.028.687)				
				6.056.182.018				
				64.414.210.705				
				(55.542.287.400)				
				8.871.923.305				
				(55.542.287.400)				
				8.871.923.305				

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn



Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Hàng tồn kho

	30/6/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	123.553.945.489	-	192.398.038.182	-
Nguyên vật liệu	651.088.781.543	-	436.114.698.664	-
Công cụ và dụng cụ	15.632.076.174	-	14.950.126.888	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.631.325.037	-	26.758.008.118	-
Thành phẩm	219.721.905.795	(33.611.274)	231.573.605.232	(33.611.274)
	1.047.628.034.038	(33.611.274)	901.794.477.084	(33.611.274)

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	1.563.726.278.269	1.136.403.085.563	191.108.602.333	17.079.745.192	2.908.317.711.357
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 16)	7.553.632.535	30.850.311.291	5.033.033.778	-	43.436.977.604
Thanh lý	-	(1.797.195.848)	(4.488.134.545)	-	(6.285.330.393)
Số dư cuối kỳ	1.571.279.910.804	1.165.456.201.006	191.653.501.566	17.079.745.192	2.945.469.358.568
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	746.615.823.851	843.469.552.704	131.008.732.003	16.959.698.100	1.738.053.806.658
Khấu hao trong kỳ	36.567.557.535	28.877.285.018	5.752.916.012	73.393.542	71.271.152.107
Thanh lý	-	(1.656.670.819)	(4.488.134.545)	-	(6.144.805.364)
Số dư cuối kỳ	783.183.381.386	870.690.166.903	132.273.513.470	17.033.091.642	1.803.180.153.401
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	817.110.454.418	292.933.532.859	60.099.870.330	120.047.092	1.170.263.904.699
Số dư cuối kỳ	788.096.529.418	294.766.034.103	59.379.988.096	46.653.550	1.142.289.205.167

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 có các tài sản với nguyên giá 808.251 triệu VND (1/1/2025: 789.170 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.352.496.402	47.357.468.650
Tăng trong kỳ	47.817.565.233	26.742.836.868
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(43.436.977.604)	(26.569.308.102)
Số dư cuối kỳ	13.733.084.031	47.530.997.416

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Nhà máy sản xuất tại cơ sở mới Dương Kinh	3.706.501.364	8.958.047.418
Máy móc, thiết bị	10.026.582.667	394.448.984
	13.733.084.031	9.352.496.402

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ và	Khác	Tổng cộng
	trả trước	dụng cụ	VND	VND
	VND	VND		
Số dư đầu kỳ	100.248.527.753	526.634.283	37.512.571.705	138.287.733.741
Tăng trong kỳ	-	-	9.759.488.100	9.759.488.100
Phân bổ trong kỳ	(1.831.781.136)	(354.488.323)	(10.145.866.377)	(12.332.135.836)
Số dư cuối kỳ	98.416.746.617	172.145.960	37.126.193.428	135.715.086.005

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	632.046.205	64.345.557
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam – công ty liên kết	53.277.416.220	50.599.782.132
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong – công ty liên kết	4.088.933.268	4.253.240.755
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong – công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt	-	2.133.076.000
Bên khác		
Borouge Pte Ltd.	31.140.252.002	62.859.292.650
Công ty Cổ phần Nhựa Tín Kim	18.787.109.677	58.693.010.632
Solmer Future Ltd	-	23.238.123.480
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gredmann Việt Nam	11.717.748.900	-
Công ty Cổ phần STAVIAN Hóa Chất	15.724.001.572	-
Công ty TNHH Liên doanh Axaltic Việt Nam	4.983.252.120	-
Các nhà cung cấp khác	44.098.273.508	104.802.085.939
	184.449.033.472	306.642.957.145

Khoản phải trả đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng từ 30 - 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025 và 1 tháng 1 năm 2025, Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Công ty TNHH Tam Phước	192.633.184.621	232.812.475.640
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Kinh doanh Nam Phương	156.933.604.129	225.348.321.127
Công ty TNHH Thương mại Thái Hòa	42.164.392.617	94.945.290.577
Công ty TNHH Thương mại Hà Dung	671.693.191	41.026.151.952
Iplex Pipelines Australia Pty Ltd	1.382.952.350	1.790.877.430
Công ty TNHH Thương mại Nam Phương	51.609.603	37.990.624
Công ty ATLANTA Hồng Kong	231.840.000	-
	394.069.276.511	595.961.107.350

20. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

	1/1/2025	Số phải nộp	Số đã nộp/	30/6/2025
	VND	trong kỳ	bù trừ trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	6.307.710.200	249.386.646.178	(225.493.274.185)	30.201.082.193
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	93.638.326.397	(93.638.326.397)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	43.980.028.156	97.313.878.065	(44.285.309.864)	97.008.596.357
Thuế thu nhập cá nhân	17.838.807.194	7.545.015.009	(23.163.281.554)	2.220.540.649
Tiền thuê đất	-	2.622.240.000	(2.622.240.000)	-
Thuế nhập khẩu	355.436.176	11.639.427.104	(11.639.427.104)	355.436.176
Các loại thuế khác	(416.635.870)	221.702.958	(161.884.558)	(356.817.470)
	68.065.345.856	462.367.235.711	(401.003.743.662)	129.428.837.905

Trong đó:

Thuế phải thu Nhà nước	416.635.870	356.817.470
Thuế phải nộp Nhà nước	68.481.981.726	129.785.655.375

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Lãi vay phải trả	2.457.415.885	2.324.396.242
Chiết khấu, bồi khấu phải trả nhà phân phối và đơn vị bán hàng	97.625.294.808	67.616.625.266
Chi phí vận chuyển	5.458.663.585	7.952.544.181
Chi phí thuê đất	25.849.574.571	18.952.898.621
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	2.304.661.112	6.918.223.882
Chi phí phải trả khác	1.486.319.792	6.463.945.962
	135.181.929.753	110.228.634.154

22. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2025 VND	1/1/2025 VND
Bên liên quan		
Các khoản trả hộ từ Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong Miền Trung – công ty con	161.326.732.883	103.990.340.637
Bên khác		
Phải trả Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu	-	5.002.000.000
Tổng hợp liên quan đến nguyên vật liệu đi vay	11.191.051.830	10.803.693.782
Nhận đặt cọc ngắn hạn	8.496.328.279	7.959.725.423
Phải trả Công đoàn	10.609.359.028	4.850.705.171
Các khoản phải trả khác		
	191.623.472.020	132.606.465.013

Khoản phải trả phi thương mại với bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vay ngắn hạn

	1/1/2025		Biến động trong kỳ		30/6/2025	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.369.758.366.181	2.302.684.699.373	(1.987.367.644.060)		1.685.075.421.494	

Vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngân hàng bằng Đồng Việt Nam, không có tài sản đảm bảo, chịu lãi suất năm từ 3,8% đến 5,2% (1/1/2025: từ 3,8% đến 4,8%).

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	6.853.132.157	19.475.926.387
Trích lập trong kỳ	71.108.529.586	55.209.254.770
Chuyển sang Quỹ Công đoàn	(70.000.000.000)	(15.000.000.000)
Sử dụng trong kỳ	(1.525.297.800)	(1.345.266.000)
Số dư cuối kỳ	6.436.363.943	58.339.915.157

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	142.532.284	1.425.322.840.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	142.532.284	1.425.322.840.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

27. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định i) phân phối khoản cổ tức năm 2024 bằng tiền trị giá 356.330 triệu VND (2.500 VND trên một cổ phiếu, tương đương 25% vốn điều lệ, đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty đã thanh toán hết khoản cổ tức này)) (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024: 129.575 triệu VND (1.000 VND trên một cổ phiếu, tương đương 10% vốn điều lệ)); và ii) trả cổ tức cho năm 2024 bằng cách phát hành cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 20% vốn điều lệ. Đại hội đồng Cổ đông giao cho Hội đồng Quản trị Công ty triển khai phương án, lựa chọn thời điểm và thực hiện việc phát hành.

28. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê đất

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho hợp đồng thuê đất không được hủy ngang như sau:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Trong vòng một năm	10.861.998.125	10.861.998.125
Từ hai đến năm năm	43.447.992.500	43.447.992.500
Trên năm năm	200.866.827.250	206.297.826.313
	255.176.817.875	260.607.816.938

(b) Ngoại tệ

	30/6/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	52.947	1.363.927.343	229.714	5.800.245.928

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2025	1/1/2025
			VND	VND
Phải thu Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải – công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân liên quan	Nợ không thu hồi được	2022	16.499.693.934	16.499.693.934

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2025	1/1/2025
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	299.928.772.238	122.763.480.049

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán sản phẩm	2.856.688.363.564	2.297.561.266.820
▪ Doanh thu khác	170.743.220.274	184.517.385.912
	3.027.431.583.838	2.482.078.652.732
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu, bồi khấu	(90.460.750.976)	(74.344.472.403)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.853.592.600)	(5.185.550.942)
	(93.314.343.576)	(79.530.023.345)
Doanh thu thuần	2.934.117.240.262	2.402.548.629.387

31. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Sản phẩm đã bán	1.925.704.976.174	1.516.644.805.654
▪ Giá vốn khác	165.853.618.556	180.412.718.881
	2.091.558.594.730	1.697.057.524.535

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

32. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	75.045.590.486	30.855.396.685
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.085.159.981	1.080.188.080
Cổ tức và lợi nhuận được chia	102.997.167.582	81.828.794.455
	179.127.918.049	113.764.379.220

33. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí lãi vay	34.453.641.005	21.552.186.782
Chiết khấu thanh toán	16.448.209.345	16.619.853.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá	47.552.446	300.934.444
	50.949.402.796	38.472.974.868

34. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	30.172.115.218	26.142.113.738
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	96.336.654.383	143.464.191.563
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.184.481.607	10.041.975.823
Chi phí vận chuyển	63.178.487.539	47.379.061.747
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	21.896.898.853	26.779.116.441
Chi phí bán hàng khác	40.818.001.173	37.226.931.483
	262.586.638.773	291.033.390.795

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	51.325.078.657	47.389.088.434
Chi phí khấu hao và phân bổ	16.091.261.564	12.743.214.514
Chi phí khác bằng tiền	21.659.590.116	21.144.589.044
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.815.741.287	4.400.560.213
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	28.237.197.336	13.637.695.674
	120.128.868.960	99.315.147.879

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.832.126.206.287	1.458.641.900.984
Chiết khấu trả cho đơn vị bán hàng	96.336.654.383	143.464.191.563
Chi phí nhân công và nhân viên	229.215.728.741	192.297.368.512
Chi phí khấu hao và phân bổ	73.102.933.243	72.202.354.426
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.815.741.287	4.400.560.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác	160.521.499.659	147.565.427.039
Chi phí khác	79.176.956.345	46.013.605.337

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Kỳ hiện hành	97.313.878.065	62.490.012.824

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2025	30/6/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	589.566.557.911	394.278.858.578
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	117.913.311.582	78.855.771.716
Thu nhập không bị tính thuế	(20.599.433.517)	(16.365.758.892)
	97.313.878.065	62.490.012.824

(c) Thuế suất áp dụng

Theo luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2024
	30/6/2025	VND
	VND	VND
Công ty con		
Công ty TNHH Nhựa Thiếu niên Tiền Phong		
Miền Trung		
Bán hàng hóa, dịch vụ	9.981.280.271	52.945.431.340
Mua dịch vụ	199.345.293	323.482.116
Mua tài sản cố định hữu hình	-	203.000.000
Mua hàng hóa	13.953.864.268	32.312.076.000
Phân phối lợi nhuận	101.385.691.942	77.322.488.147
Công ty liên kết		
Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong phía Nam		
Bán hàng hóa	103.446.154.968	68.647.834.556
Mua hàng hóa, dịch vụ	146.195.693.363	115.939.461.400
Hàng bán bị trả lại	-	35.724.640
Thu nhập khác	59.542.000	42.334.667
Công ty Cổ phần Bao bì Tiền Phong		
Bán hàng hóa	16.200.000	13.350.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.685.269.912	16.213.899.631
Cổ tức được chia	499.775.000	499.775.000

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị giao dịch

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày

30/6/2025

30/6/2024

VND

VND

Công ty liên quan khác

Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Minh Hải

– công ty có thành viên quản lý chủ chốt là cá nhân

liên quan của Công ty

Hàng bán trả lại - 26.944.010

Công ty Cổ phần Công nghệ Thiết bị Tiền Phong

– công ty có chung thành viên quản lý chủ chốt

Bán hàng hóa 27.250.000 18.153.340

Mua hàng hóa 42.029.218.370 29.772.126.769

Thu nhập khác 2.674.480 -

Công ty TNHH Sekisui Việt Nam – công ty có chung

thành viên quản lý chủ chốt

Bán hàng hóa 10.031.830.396 11.918.962.155

Mua hàng hóa 12.646.030.511 41.459.383.117

Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt

Thành viên Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác

Ông Đặng Quốc Dũng – Chủ tịch 2.326.021.302 1.772.777.299

Ông Noboru Kobayashi – Phó Chủ tịch 849.600.000 601.800.000

Ông Đào Anh Thắng – Thành viên (đến ngày 19/5/2025) 511.978.500 307.080.000

Ông Bùi Đức Long – Thành viên (đến ngày 19/5/2025) 407.000.000 292.050.000

Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác 3.099.690.046 1.676.963.809

Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Thành viên

Hội đồng Quản trị

Lương, thù lao, thưởng và phúc lợi khác 1.847.324.734 1.382.614.408

Những người quản lý khác

Lương, thưởng và phúc lợi khác

(không bao gồm các khoản đã trình bày ở trên) 3.738.876.848 2.479.592.450

